

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 118/2020/DS-PT;
Ngày: 27/5/2020;
V/v Tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn;

Các Thẩm phán: - Ông Võ Trung Hiếu.

- Ông Huỳnh Việt Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Minh, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 221/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2020/QĐXX-PT ngày 30 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Ngọc H, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Đỗ Thị Quyên T, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Ấp 9, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Đỗ Thị Quyên T;

(Có mặt nguyên đơn: Phạm Ngọc H và bị đơn: Đỗ Thị Quyên T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

- Nguyên đơn bà Phạm Ngọc H trình bày:

Vào ngày 24/3/2017, bà cho bà Đỗ Thị Quyên T (Tên gọi khác là Đỗ Thị B) vay số tiền là 30.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất thỏa thuận miệng là 03%/tháng.

Vào ngày 25/3/2017, bà cho bà T vay tiếp số tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn

vay là 01 năm, lãi suất thỏa thuận miệng là 03%/tháng.

Sau khi vay, bà T không trả lãi cho bà, đến thời hạn trả vốn cũng không trả. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không trả.

Nay bà yêu cầu bà T trả lại số tiền gốc tổng cộng còn nợ là 40.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất là 1,5%/tháng:

+ Đối với số tiền vay 30.000.000 đồng, bà yêu cầu tính lãi từ ngày 24/3/2017 đến ngày 24/8/2019 là 29 tháng, thành tiền là 13.050.000 đồng.

+ Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng, bà yêu cầu tính lãi từ ngày 25/3/2017 đến ngày 25/8/2019 là 29 tháng, thành tiền là 4.350.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là 17.400.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà T trả lại bà số tiền gốc và lãi còn nợ là 57.400.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Đỗ Thị Quyên T trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà H 40.000.000 đồng nhưng thời điểm vay thì bà không nhớ và bà có ký tên vào hai biên nhận vay do bà H viết. Thời hạn vay là 01 năm, lãi suất thỏa thuận miệng là 05%/tháng. Sau khi vay, bà có trả lãi cho bà H mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến cách đây khoảng 01 năm thì ngưng trả lãi, những lần trả lãi cho bà H không có lập biên nhận. Nay bà đồng ý trả lại cho bà H số tiền gốc là 40.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết nợ; đồng thời bà yêu cầu không trả tiền lãi là 17.400.000 đồng cho bà H do hoàn cảnh kinh tế của chị hiện tại rất khó khăn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 221/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H.

1. Buộc chị Đỗ Thị Quyên T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Ngọc H số tiền gốc và lãi là 57.400.000 đồng, trả 03 lần trong thời gian 01 năm, từ khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị Tư còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, bị đơn bà Đỗ Thị Quyên T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét cho bà không phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi và xin trả tiền vốn vay mỗi năm 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Đỗ Thị Quyên T có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn bà Phạm Ngọc H có ý kiến chấp nhận giảm cho bà T 17 tháng tiền lãi, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T xin thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn làm nhiều lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của của bị đơn Đỗ Thị Quyên T là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H đồng ý giảm cho bà T 17 tháng tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét phần án phí các đương sự phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện, ngày 24/3/2017 và 25/3/2017 bà Phạm Ngọc H có cho bà Đỗ Thị Quyên T (tên gọi khác là Đỗ Thị B) vay tổng số tiền là 40.000.000 đồng với thời hạn là 01 năm. Việc vay tiền có lập văn bản (BL: 34, 35).

Theo bà H, biên nhận vay tiền không ghi nhưng các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Bà T có trả cho bà H mấy tháng tiền lãi nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu tháng. Bà T lại cho rằng, lãi suất 5%/tháng và bà ngưng trả lãi khoảng hơn một năm thì bà H khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T, nhận thấy: Lời trình bày của các bên đương sự không thống nhất về thỏa thuận lãi suất và thời gian, số tiền lãi đã trả nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H có ý kiến yêu cầu bà T trả 12 tháng tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng là có lợi cho bà T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, số tiền bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà H là:

- Tiền vốn vay: 40.000.000 đồng;
- Tiền lãi: 7.200.000 đồng; $(40.000.000 \text{ đ} \times 1,5\% \times 12 = 7.200.000 \text{ đồng})$;
- Tổng cộng: 47.200.000 đồng.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin trả nợ vốn mỗi năm 6.000.000 đồng là không phù hợp với qui định của pháp luật, không được bà H thỏa thuận chấp nhận, nên ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận là có căn cứ.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bà Đỗ Thị Quyên T thuộc diện hộ nghèo, nên được miễn án phí.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; khoản 1 Điều 148 và khoản 2 Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Quyên T; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 221/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc H.

Buộc bà Đỗ Thị Quyên T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Ngọc H số tiền vốn gốc và lãi là 47.200.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng); thực hiện nghĩa vụ chia làm 03 lần trong thời gian 01 năm tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phạm Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Đỗ Thị Quyên T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Đỗ Thị Quyên T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 47122 ngày 13/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn lại bà Phạm Ngọc H số tiền 1.420.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 47039 ngày 21/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G
- Chi cục THADS h. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tuấn